

Thứ hai, ngày 24 tháng 6 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thanh khoản suy giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/6/2019		•	
Tuần 24/6-28/6/2019		•	
Tháng 6/2019		•	

Điểm nhấn

- VN-Index tăng trong phiên sáng. Trong phiên chiều, đà tăng bị thu hẹp.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+2.22 điểm); VIC (+1.89 điểm); VHM (+1.0 điểm); SAB (+0.58 điểm); NVL (+0.25 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-1.25 điểm); GAS (-0.57 điểm); POW (-0.39 điểm); HPG (-0.22 điểm); PLX (-0.19 điểm).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2.542.9 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 7.31 điểm. Thị trường có 115 mã tăng và 166 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.65 điểm, đóng cửa tại 962.85 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.07 điểm xuống 104.78 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 92.95 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã SBT (111.12 tỷ), VNM (23.8 tỷ) và VHM (23.5 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã mua ròng 1.4 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng điểm do lực mua tập trung ở các cổ phiếu bluechips VIC, VHM, MSN và nhóm cổ phiếu ngân hàng như VCB, BID, TCB. Trong phiên chiều, đà tăng trong phiên sáng bị thu hẹp và đóng cửa ở mức 962.85 điểm do lực bán tiếp tục tăng ở các cổ phiếu GAS, VNM, POW cùng với việc cổ phiếu VCB thu hẹp đà tăng. Khối ngoại bán ròng trên sàn HOSE. Theo quan điểm của BSC, thị trường trong nước tiếp tục có phiên hồi phục tuy nhiên thanh khoản ở mức thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư tiếp tục chờ đợi thêm những diễn biến mới về căng thẳng thương mại Mỹ -Trung, hội nghị thượng đỉnh G20 cũng như xung đột Mỹ-Iran.

Phân tích kỹ thuật:

VJC_Tích lũy ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **962.85**

Giá trị: 2542.89 tỷ **3.65 (0.38%)**

Khối ngoại (ròng): -92.95 tỷ

HNX-INDEX **104.78**

Giá trị: 261.61 tỷ **-0.07 (-0.07%)**

Khối ngoại (ròng): 1.4 tỷ

UPCOM-INDEX **55.15**

Giá trị: 384.86 tỷ **0.03 (0.05%)**

Khối ngoại (ròng): -3.79 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.9	0.82%
Giá vàng	1,405	0.39%
Tỷ giá USD/VND	23,287	-0.08%
Tỷ giá EUR/VND	26,494	1.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,683	-0.12%
LS liên NH 1 tháng	3.6%	7.78%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	53.0	SBT	111.1
BVH	26.0	VNM	23.8
VJC	15.1	VHM	23.5
PVD	12.6	YEG	18.3
VIC	8.0	SSI	11.7

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Cổ phiếu lớn	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
iBroker	Trang 6
iINVEST	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

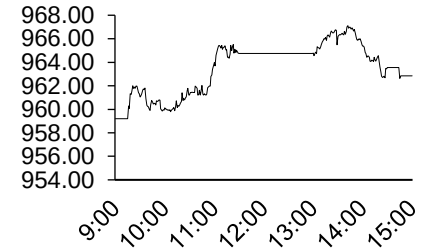
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VJC	3.4	123.5	118.00	125.00	MUA	Tăng giá kéo dài
VNM	3.3	123.1	117.48	136.00	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VIC	1.2	116.4	105.00	118.90	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	0.6	104.5	99.60	113.50	MUA	Tăng giá trong dài hạn
MWG	3.1	91.4	84.10	94.82	MUA	Tăng giá kéo dài
ACV	0.9	85.2	79.00	89.09	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	1.1	84.1		91.60	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VHM	5.0	79.5	76.30	88.10	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PNJ	0.8	73.6	71.00	79.60	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VCB	4.5	73.0	64.00	74.33	MUA	Tăng giá kéo dài

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

VJC_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

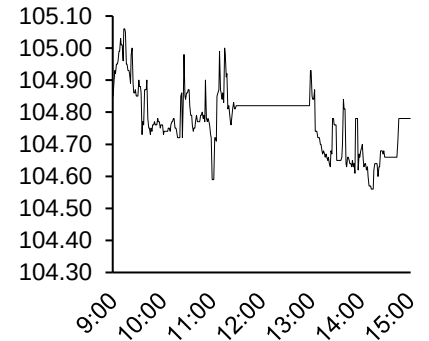
- Xu hướng hiện tại: tích lũy và hồi phục trong ngắn hạn và giữ đà hồi phục trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: có xu hướng tăng nhẹ, ở trên đường trung tâm và dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng mua
- Đường MA: Các đường MA tiếp tục xu hướng tăng trừ MA 150 tiếp tục giảm.

Nhận định: Cổ phiếu VJC đang vận động trong kênh giá 120.1 – 125.2. Chỉ báo RSI nằm trong vùng mua ủng hộ trạng thái tích lũy và hồi phục ngắn hạn. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy vùng giá của VJC sẽ có khả năng tiếp tục tích lũy và phục hồi vùng giá trên MA 20 ở các phiên tiếp theo. Vận động của tất cả các đường MA tiếp tục hướng lên và thanh khoản duy trì ở mức tích cực. Do vậy VJC sẽ tiếp tục xu hướng tích lũy và hồi phục ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn. Ngưỡng kháng cự của VJC là 125.4 và ngưỡng hỗ trợ tại 119.10 và 117.28

VJC - Daily 6/24/2019 Open 123.2, Hi 123.8, Lo 123.2, Close 123.5 (0.2%) Vol 628,250 MA(Close,20) = 122.39, MA1(Close,50) = 118.62, MA2(Close,100) = 118.63, BBTop(Close,15,2) = 125.31, BBBot(Close,15,2) = 118.49, MA3(Close,200) = 117.28



Created with AmiBroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1907	881.6	-0.4%	10.7%
VN30F1908	884.0	-0.1%	-16.5%
VN30F1909	885.0	-0.6%	58.1%
VN30F1912	887.6	-0.3%	-37.2%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	116	1.7	1.1
VCB	73	2.8	0.8
STB	12	2.2	0.6
EIB	19	2.2	0.6
VHM	80	1.3	0.5

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123	-2	-1.6
HPG	23	-1	-0.8
FPT	45	-1	-0.2
PNJ	74	-1	-0.2
GAS	105	-1	-0.1

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	91.4	0.4%	0.7	1,760	3.1	7,159	12.8	4.0	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	73.6	-0.8%	1.0	713	0.8	4,802	15.3	4.1	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	80.3	1.0%	1.3	2,447	2.0	1,622	49.5	3.7	25.4%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	36.9	-0.5%	0.7	371	0.1	2,459	15.0	1.2	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	116.4	1.7%	1.1	16,933	1.2	1,303	89.3	6.6	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	34.5	0.6%	1.1	3,493	1.3	1,033	33.4	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.9	1.6%	0.8	2,342	1.1	3,686	15.7	2.7	7.0%	20.8%
REE	Bất động sản	32.2	-0.3%	1.1	433	0.4	5,659	5.7	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.9	-1.0%	1.5	287	0.7	3,364	5.6	1.3	47.5%	25.1%
SSI	Chứng khoán	24.9	-0.8%	1.3	551	2.1	2,169	11.5	1.4	58.7%	11.9%
VCI	Chứng khoán	32.5	-0.6%	1.0	230	0.1	5,067	6.4	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.1	0.4%	1.5	320	0.5	2,009	12.0	1.0	56.1%	14.1%
FPT	Công nghệ	45.2	-0.6%	0.9	1,331	1.4	4,061	11.1	2.3	53.9%	21.9%
FOX	Công nghệ	40.3	0.8%	0.4	436	0.0	3,778	10.7	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.5	-0.9%	1.5	8,696	0.6	6,092	17.2	4.5	3.6%	27.0%
PLX	Dầu khí	62.5	-0.8%	1.5	3,182	1.3	3,412	18.3	3.3	11.6%	18.2%
PVS	Dầu khí	23.2	0.0%	1.7	482	2.6	2,433	9.5	0.9	24.6%	10.1%
BSR	Dầu khí	12.9	-0.8%	0.8	1,739	0.4	1,163	11.1	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	104.5	1.0%	0.5	594	0.1	4,199	24.9	4.5	54.2%	19.0%
DPM	Hóa chất	16.3	1.9%	0.7	277	0.3	1,289	12.6	0.8	22.5%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.2	-0.2%	0.7	188	0.1	978	8.3	0.7	2.7%	8.4%
VCB	Ngân hàng	73.0	2.8%	1.3	11,772	4.5	4,367	16.7	3.7	23.8%	24.5%
BID	Ngân hàng	32.6	0.3%	1.5	4,846	1.1	2,150	15.2	2.1	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	21.4	0.0%	1.6	3,464	3.6	1,481	14.5	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	19.3	0.0%	1.2	2,062	1.7	2,705	7.1	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	21.3	0.0%	1.2	1,957	1.4	2,994	7.1	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	29.5	0.0%	1.1	1,600	1.8	4,297	6.9	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	42.7	-0.2%	0.9	152	0.1	5,279	8.1	1.4	74.4%	17.0%
NTP	Nhựa	35.0	0.6%	0.3	136	0.0	4,066	8.6	1.3	21.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	18.5	-1.6%	1.2	723	0.0	732	25.3	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.4	-1.5%	1.0	2,803	3.2	2,956	7.9	1.5	51.2%	21.4%
HSG	Thép	7.7	-0.4%	1.5	142	0.5	251	30.7	0.6	17.0%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.1	-1.9%	0.7	9,320	3.3	5,349	23.0	7.6	59.2%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	281.0	1.1%	0.8	7,835	0.2	6,479	43.4	11.2	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	84.1	0.1%	1.2	4,253	1.1	4,545	18.5	3.2	40.6%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.2	0.3%	0.6	392	1.4	752	22.8	1.5	8.7%	6.1%
ACV	Vận tải	85.2	-1.3%	0.8	8,065	0.9	2,630	32.4	6.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	123.5	0.2%	1.1	2,908	3.4	9,850	12.5	4.8	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	42.9	-0.7%	1.7	2,645	0.9	1,747	24.6	3.4	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.2	0.0%	0.8	338	0.1	2,245	11.6	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.3	-0.9%	0.7	199	0.1	2,387	6.8	1.2	32.7%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.7	-0.5%	0.9	421	0.2	6,806	9.1	3.3	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.9	-0.2%	0.8	407	0.4	1,385	15.1	1.5	12.3%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.2%	0.8	265	0.0	1,744	9.1	1.2	6.3%	12.6%
CTD	Xây dựng	98.0	0.5%	0.8	325	0.3	17,122	5.7	0.9	46.0%	16.9%
VCG	Xây dựng	28.0	-0.4%	1.2	538	0.3	1,106	25.3	1.9	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	22.6	-0.2%	0.5	243	0.3	337	67.0	1.1	53.5%	1.7%
POW	Điện	14.9	-3.6%	0.6	1,512	1.9	820	18.1	1.4	14.9%	7.8%
NT2	Điện	27.1	2.3%	0.6	339	0.2	2,446	11.1	2.0	22.7%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	73.00	2.82	2.22	1.41MLN
VIC	116.40	1.66	1.90	228390.00
VHM	79.50	1.27	1.00	1.45MLN
SAB	281.00	1.08	0.58	16480.00
NVL	57.90	1.58	0.25	446590.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNG	19.50	3.17	0.03	778800.00
PTI	18.70	6.25	0.02	18600.00
NTH	31.00	9.93	0.02	1100.00
DGC	28.20	0.71	0.02	120900.00
VNC	38.40	9.09	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.10	-1.91	-1.25	615090.00
GAS	104.50	-0.95	-0.57	141490.00
POW	14.85	-3.57	-0.39	2.92MLN
HPG	23.35	-1.48	-0.22	3.09MLN
PLX	62.50	-0.79	-0.19	489060.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	2.60	-7.14	-0.04	1.67MLN
NVB	8.20	-1.20	-0.03	472500.00
CEO	11.20	-2.61	-0.03	342800.00
DBC	21.60	-1.37	-0.02	35800.00
L14	47.50	-2.86	-0.02	73200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	24.65	6.94	0.04	582900.00
DXV	3.02	6.71	0.00	10.00
SCD	33.00	6.45	0.01	3700.00
VDS	7.40	6.32	0.01	8050.00
CCL	5.77	5.87	0.01	618870.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	16.67	0.00	62500.00
BII	1.00	11.11	0.01	851900.00
PHN	21.00	9.95	0.01	1500.00
NTH	31.00	9.93	0.02	1100.00
BXH	16.90	9.74	0.00	1000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	3.34	-6.96	0.00	6430.00
MCG	2.14	-6.96	0.00	1160.00
UDC	4.73	-6.89	0.00	7630.00
SSC	77.00	-6.78	-0.03	330.00
S4A	28.00	-6.67	-0.03	250.00

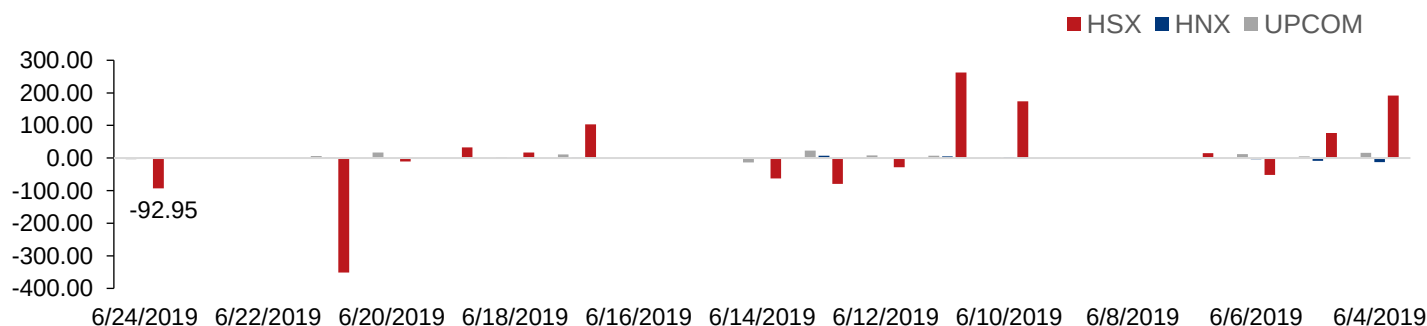
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	-10.00	0.00	90100.00
SFN	26.40	-9.90	-0.01	1300.00
TSB	7.50	-9.64	0.00	5000.00
VC1	14.10	-9.62	-0.01	100.00
PCE	8.50	-9.57	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.9	3,364	5.6	1.3	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	98.0	17,122	5.7	0.9	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	27.6	5,748	4.8	1.4	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.3	2,387	6.8	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	29.5	4,297	6.9	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	20.9	2,430	8.6	1.4	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.2	2,245	11.6	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.2	752	22.8	1.5	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	57.0	4,852	11.7	2.8	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	84.1	4,545	18.5	3.2	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	21.3	2,862	7.4	1.1	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	32.3	6,952	4.6	1.9	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	16.0	1,744	9.1	1.2	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	36.9	2,459	15.0	1.2	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	15.6	2,807	5.5	1.1	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	45.2	4,061	11.1	2.3	Click	
17	BCC	Xi măng	Mua	16/05/2019	9.1	11.2	8.2	1,113	7.4	0.5	Click	
18	VHC	Thủy sản	Mua	14/05/2019	91.5	108.6	87.7	17,884	4.9	1.9	Click	
19	DRC	Cao su	Theo dõi	14/05/2019	22.3	25.2	18.1	1,154	15.7	1.4	Click	
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	08/05/2019	20.8	21.0	19.5	3,307	5.9	1.4	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
FRT 2019Q2	20/6/2019	FRT đặt kế hoạch DT và LN năm 2019 lần lượt là 17,700 tỷ (+16% YoY) và 418 tỷ (+20% YoY). Trong đó, DT chuỗi FPT – Shop và F -Studio dự kiến đạt 11,825 tỷ (+5% YoY); DT Online dự kiến đạt 3,500 tỷ (+44% YoY); DT Chương trình F – Friends và Subsidy dự kiến đạt 1,875 tỷ (+18.8% YoY) và DT từ chuỗi Long Châu là 500 tỷ (+30.2% YoY). EPS FW 2019 là 6,147 VND/cp, PE FW là 8.13.
VIB 2019Q2	19/6/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 21597; Giá tại Publish 16400. EPS 3307; PE 5.9x; PB 1x. BSC điều chỉnh dự báo VIB lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 7,606 tỷ VND (+25% yoy) và 3,250 tỷ VND (+18.5% yoy) với giả định (1) tăng trưởng tín dụng đạt mức 34% trong năm 2019 do VIB đã hoàn thành Basel II trước thời hạn và được hưởng cơ chế tăng trưởng tín dụng mới, (2) TTS +31.8% yoy, cho vay +35.3% yoy, huy động +46.6% yoy, (3) NIM = 3.95%, tăng 13 bps nhờ việc tiếp tục tập trung cơ cấu các khoản vay lãi suất cao hơn, (4) NPL = 2%, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 40%.
DRC 2019Q2	18/6/2019	BSC dự báo, năm 2019, DTT và LNST của DRC lần lượt đạt 3,624 tỷ VND (+2.1% yoy) và 141 tỷ VND (+0% yoy), tương đương EPS 2019 là 1,068 VND/cp (P/E F 2019 = 20.9x, thấp hơn so với trung bình ngành Việt Nam hiện tại là 25x). Dựa báo này dựa trên giả định (1) sản lượng tiêu thụ lốp bias giảm 5% so với năm 2018, sản lượng lốp Radial = 400,000 lốp (+6.5% yoy), (2) giá bán các loại sảm lốp không thay đổi, (3) giá cao su tự nhiên không đổi, giá cao su nhân tạo +5% yoy, giá hóa chất và than đen +10% yoy.
ACB 2019Q2	11/6/2019	BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề								
Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.30%	2.05%	-0.87%	7.42%	21.97%	25.65%	67.28%	186.22%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.55%	1.97%	-0.99%	-1.92%	4.00%	-3.93%	67.63%	96.62%
Ngân hàng	0.48%	3.06%	0.85%	-3.36%	5.86%	-9.96%	62.45%	118.53%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.38%	1.54%	-1.64%	-1.51%	9.27%	1.66%	94.77%	161.59%
Chiến tranh thương mại	-0.63%	-0.55%	-2.49%	0.86%	9.01%	15.82%	22.27%	150.76%
Hàng tiêu dùng	-1.00%	-0.08%	-5.06%	1.29%	8.73%	4.97%	56.34%	230.69%
* Note								
Danh mục Cổ tức cao - Thanh khoản tốt có mức tăng giá ngày ấn tượng 1.30%, gấp khoảng 4 lần so với con số này của VNINDEX, danh mục này có mức lợi suất cổ tức kỳ vọng lên tới 8.0%, cao hơn lãi suất ngân hàng hiện tại. Đi ngược xu hướng thị trường hôm nay, danh mục Hàng tiêu dùng giảm 1.00%.								
Mục tiêu								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 10	0.48%	2.66%	-0.51%	2.35%	9.21%	4.64%	52.31%	149.36%
Danh mục 18	0.45%	2.36%	-4.53%	0.03%	16.22%	14.21%	110.44%	244.91%
Danh mục 12	0.44%	2.22%	-4.64%	-0.31%	15.68%	13.21%	119.40%	266.29%
Danh mục 1	-0.38%	1.64%	-3.04%	-1.82%	2.90%	-2.83%	64.29%	141.49%
Danh mục 5	-0.50%	1.94%	-3.52%	-1.20%	7.43%	-0.64%	77.68%	148.56%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 20	1.31%	1.14%	-0.86%	-0.85%	7.47%	9.23%	23.55%	182.17%
Danh mục 24	0.51%	2.39%	0.15%	2.03%	13.12%	4.12%	64.11%	199.56%
Danh mục 22	0.36%	1.87%	-1.72%	0.33%	7.43%	-4.11%	63.02%	171.07%
Danh mục 25	-0.25%	1.80%	-1.59%	3.19%	18.38%	31.22%	158.58%	254.72%
Danh mục 21	-0.33%	1.28%	-2.43%	1.80%	8.37%	0.44%	39.92%	53.86%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	0.38%	1.68%	-0.74%	-0.72%	7.97%	-2.07%	55.11%	68.25%
VN30INDEX	0.28%	1.87%	-1.76%	-2.87%	0.92%	-10.70%	41.82%	40.58%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

